CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2021*

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
Ngày 03.9.2021

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

1. Bổ sung điểm k, khoản 1 Điều 5 như sau:

"k) Yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ, tài liệu điện tử hoặc đã được số hóa có giá trị pháp lý theo quy định pháp luật, được kết nối, chia sẻ dữ liệu trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra lại tính xác thực của thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được số hóa.".

2. Bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 7 như sau:

"7. Căn cứ tình hình thực tế và năng lực của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Bộ, cơ quan ngang Bộ,cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật về đấu thầu.

8. Các trường hợp khác được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1, điểm đ, khoản 2 Điều 8 như sau:

"b) Hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính; tiếp nhận, *số hóa* hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân; thu phí, lệ phí (nếu có) theo quy định;

2. .....

đ) Quản lý, đề xuất cấp có thẩm quyền nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng của *Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử*; tham gia bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng các Hệ thống này;".

4. Bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau:

"6. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm bố trí người làm việc tại Bộ phận Một cửa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm d, khoản 2 Điều 11 như sau:

"d) Tiếp nhận, *số hóa,* giải quyết hoặc chuyển hồ sơ, theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo quy định; cập nhật hồ sơ đã tiếp

nhận vào phần mềm quản lý và cấp mã số hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân;”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 13 như sau:

“b) Tại Bộ phận Một cửa: Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với *một hoặc một số* lĩnh vực khác nhau, *trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích để tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người khuyết tật;* bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên và trong toàn hệ thống; bố trí khu vực đặt các trang thiết bị: máy lấy số xếp hàng tự động kết nối tới Hệ thống thông tin một cửa điện tử; các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính; *thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu*; bố trí khu vực cung cấp dịch vụ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

Khuyến khích việc cung cấp, tích hợp các dịch vụ tiện ích để bổ trợ, phục vụ nhu cầu của tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch tại Bộ phận Một cửa.”.

7. Bổ sung khoản 6 Điều 14 như sau:

“6. Căn cứ việc triển khai số hóa, kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử và kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mở rộng phạm vi tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi quản lý.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân *hoặc hồ sơ giấy đã được số hóa* đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 20 như sau:

“5. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được lưu trữ tại Hệ thống thông tin *giải quyết thủ tục hành chính* cấp bộ, cấp tỉnh để phục vụ việc *tích hợp, chia sẻ*, tra cứu thông tin, dữ liệu, *sử dụng lại để thực hiện các thủ tục hành chính khác* theo quy định của pháp luật.”.

10. Bổ sung Điều 21a như sau:

*"**Điều 21a. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính***

Ngoài việc thực hiện các quy định trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định này, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thêm một số nhiệm vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính như sau:

1. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

a) Kiểm tra, xác thực danh tính số của cá nhân, tổ chức thông qua số định danh của cá nhân và mã số của tổ chức theo quy định. Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa có danh tính số, hướng dẫn thực hiện hoặc tạo tài khoản cho cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính, danh tính số được xác định theo danh tính của tổ chức, cá nhân ủy quyền.

b) Thực hiện kiểm tra dữ liệu điện tử của các thành phần hồ sơ thủ tục hành chính. Trường hợp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý của tổ chức, cá nhân đã được kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin, Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thì tổ chức, cá nhân không phải khai lại một số thông tin hoặc nộp lại hồ sơ, giấy tờ, tài liệu; cán bộ một cửa kiểm tra và chuyển vào hồ sơ thủ tục hành chính điện tử cho tổ chức, cá nhân.

c) Đối với thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc phải số hóa theo quy định của pháp luật chuyên ngành mà chưa có dữ liệu điện tử, cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa thực hiện sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, toàn vẹn, chính xác của các nội dung theo bản giấy. Ký số vào giấy tờ theo quy định trước khi chuyển hồ sơ đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

Đối với các thành phần hồ sơ chưa có dữ liệu điện tử còn lại, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định việc tổ chức thực hiện số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định việc tổ chức thực hiện số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giải quyết thủ tục hành chính

a) Kiểm tra thông tin trên tài liệu điện tử mà Bộ phận Một cửa chuyển đến và cập nhật thông tin, dữ liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đối với thành phần hồ sơ phải số hóa thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Dữ liệu điện tử của giấy tờ phải có tối thiểu các trường thông tin: Mã loại giấy tờ; danh tính số tổ chức, cá nhân, trường hợp cá nhân không có căn cước công dân thì phải bổ sung họ tên, năm sinh, ngày cấp, cơ quan cấp; tên giấy tờ; trích yếu nội dung chính của giấy tờ; thời hạn có hiệu lực; phạm vi có hiệu lực (nếu có). Các thông tin, dữ liệu khác được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Trường hợp phải thẩm tra, xác minh, lấy ý kiến các cơ quan liên quan trong quá trình xử lý hồ sơ, kết quả thẩm tra, xác minh và kết quả trả lời của cơ quan liên quan phải được số hóa theo dữ liệu điện tử để lưu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi trình cấp có thẩm quyền ký duyệt phải trình cả bản giấy và bản điện tử để thực hiện ký số, phát hành theo quy định pháp luật về công tác văn thư, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức,cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử.

Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thành công, các hồ sơ, giấy tờ được số hóa trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có giá trị và được sử dụng trong thực hiện các thủ tục hành chính khác của tổ chức, cá nhân.

3. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

a) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được gắn mã số giấy tờ và lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc Kho dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh. Mã số giấy tờ gồm hai thành phần là mã số định danh của cá nhân, tổ chức và mã loại giấy tờ, trong đó mã loại giấy tờ đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thống nhất sử dụng theo mã loại kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử được trả cho tổ chức,cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, trừ trường hợp thủ tục hành chính theo quy định của luật chuyên ngành phải có mặt để trực tiếp nhận kết quả.

c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng bản giấy được trả theo quy định tại Điều 20 Nghị định này, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử cho tổ chức,cá nhân.

4. Lưu trữ điện tử

a) Thời hạn bảo quản hồ sơ thủ tục hành chính điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành.

b) Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được lưu trữ điện tử và do cơ quan có thẩm quyền giải quyết quản lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.".

11. Sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 4 Điều 22 như sau:

"3. Trong trường hợp không nộp trực tiếp thì chứng từ nộp tiền, chuyển khoản tiền phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính hoặc biên lai thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính (nếu có) được gửi kèm theo hồ sơ đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, *trừ trường hợp phí, lệ phí được xác định và nộp sau giai đoạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức.*

4. Trong trường hợp nộp trực tuyến thì cơ quan, tổ chức nhận tiền phải thực hiện chuyển toàn bộ số tiền thu từ lệ phí vào ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn được quy định pháp luật chuyên ngành; đối với số tiền thu từ phí thì phải chuyển toàn bộ số tiền đã thu trong kỳ vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp chưa có quy định của pháp luật chuyên ngành thì thời hạn chuyển tiền vào ngân sách nhà nước trong 08 giờ làm việc tính từ thời điểm thanh toán, trừ trường hợp thực hiện thanh toán điện tử liên ngân hàng thực hiện theo quy định về thời gian làm việc áp dụng trong Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng.".

12. Bổ sung khoản 4 Điều 24 như sau:

"4. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành danh mục dữ liệu dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ với Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bao gồm:

a) Danh mục thủ tục hành chính;

b) Danh mục dịch vụ công trực tuyến;

c) Danh mục cơ quan nhà nước;

d) Danh mục đơn vị hành chính;

đ) Danh mục ngành, lĩnh vực;

e) Danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

g) Danh mục tài khoản của đơn vị kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng thương mại;

h) Danh mục các khoản thu, nộp vào ngân sách nhà nước khi thực hiện thủ tục hành chính;

i) Danh mục ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 6 Điều 25 như sau:

“1. Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh phải được xây dựng tập trung, thống nhất, *tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh* để tiếp nhận, giải quyết, *theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện* thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp.

2.....

b) Bảo đảm khả năng tích hợp với *Cổng Dịch vụ công quốc gia*, Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để truy xuất dữ liệu thủ tục hành chính, *kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính* của bộ, cơ quan ngang bộ, *cơ quan thuộc Chính phủ,* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

.....

6. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh theo quy định pháp luật để xác thực thông tin cho tổ chức, cá nhân và phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.”.

14. Sửa đổi khoản 3 Điều 30 như sau:

“3. Văn phòng bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá từ phần mềm; *tích hợp kết quả đánh giá với hệ thống đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ*

công theo thời gian thực; công khai kết quả đánh giá nội bộ trên trang thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương *và Cổng Dịch vụ công quốc gia*".

15. Sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 Điều 34 như sau:

"i) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy định thống nhất về Mã số hồ sơ thủ tục hành chính và Mã ngành, lĩnh vực thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh*; hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính."*.

16. Sửa đổi khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 10, 11 Điều 35 như sau:

"3. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, quy chế hoạt động *của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được tạo thành trên cơ sở hợp nhất* Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử *để thống nhất quản lý* theo quy định tại Nghị định này.

…….

5. Chỉ đạo xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính thuộc phạm vi thực hiện của bộ, ngành *bảo đảm áp dụng chung thống nhất cho quy trình xử lý công việc liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính trong Hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan, tổ chức*.

……..

10. Đánh giá, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định tổ chức triển khai tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các thủ tục hành chính mà thông tin, dữ liệu phục vụ xem xét, thẩm định hồ sơ đã có đầy đủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc đã được kết nối, chia sẻ, trừ trường hợp thủ tục hành chính yêu cầu phải kiểm tra thực địa, đánh giá, kiểm tra, thẩm định tại cơ sở.

11.Trên cơ sở danh mục dữ liệu dùng chung quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định này, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.".

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 36 như sau:

"3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế hoạt động *của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được tạo thành trên cơ sở hợp nhất* Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh *để thống nhất quản lý theo quy định tại Nghị định này*.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng và ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã *bảo đảm áp dụng chung thống nhất cho quy trình xử lý công việc liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính trong Hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan, tổ chức và* thực hiện thống nhất trong toàn địa phương.”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ tại một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

1. *Bổ sung cụm từ “Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc” trước cụm từ “Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 3 Điều 20 và trước cụm từ “Hệ thống thông tin một cửa điện tử” tại điểm c khoản 1 Điều 22, điểm c khoản 1 Điều 29; bổ sung cụm từ “và tài khoản riêng” sau cụm từ “có con dấu” tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định này.*

2. *Thay thế cụm từ “hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia” cho cụm từ “Cổng thanh toán tập trung của quốc gia” tại điểm d khoản 2 Điều 25 Nghị định này.*

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Chính phủ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ….. tháng ….. năm 2021.

2. Khoản 9 Điều 1 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi tiếp nhận của Bộ phận Một cửa cấp bộ, cấp tỉnh; từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi tiếp nhận của Bộ phận Một cửa cấp huyện và từ ngày 01 tháng 06 năm 2023 đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi tiếp nhận của Bộ phận Một cửa cấp xã. Riêng các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo được thực thi chậm hơn nhưng phải trước ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc thực thi sớm hơn thời hạn có hiệu lực thi hành của khoản này do Bộ trưởng,

Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế và tổng công tynhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vịtrực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).